

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT ĐỊA HÌNH SÔNG NÚI, RUỘNG ĐỒNG, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ XÃ XUẤT HÓA TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Lịch sử địa lý:

Căn cứ theo sử sách đã ghi thì xã Xuất Hóa có tên trên bản đồ Tổ quốc cách đây hơn 200 năm - trước năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Đến năm 1900, dưới thời thực dân Pháp đô hộ, để dễ bề quản lý và cai trị, chúng tách 5 huyện phía Bắc tỉnh Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn. Sau khi Pháp chiếm đóng tỉnh Bắc Kạn, chúng chia Bắc Kạn thành 5 châu, gồm: Châu Bạch Thông, châu Ngân Sơn, Châu Chợ Rã, châu Chợ Đồn, châu Nà Rì; trong các châu được chia thành các tổng và các khu, riêng Châu Bạch Thông được chia thành 5 tổng là Phương Linh, Hà Vị, Nông Thượng, Nông Hạ và Yên Đĩnh.

Xã Xuất Hóa là một xã thuộc tổng Nông Thượng, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Trước năm 1945 xã Xuất Hóa có các thôn bản như sau:

1. Thôn Khuổi Cuồng - gồm các bản Lũng Vắn (nay là Lũng Hoàn thuộc xã Xuất Hoá) Khuổi Cuồng, Thôn Luông (nay thuộc xã Nông Thượng - Thị xã Bắc Kạn).

2. Thôn Duộc (thuộc xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông ngày nay).

3. Thôn Bản Lù (thuộc xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới ngày nay).

4. Thôn Bản Giác (thuộc xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới ngày nay).

5. Thôn Phúc Linh Thượng (là thôn Bản Đôn 1, Bản Đôn 2 ngày nay).

6. Thôn Phúc Linh Hạ (là thôn Bản Pjạt, thôn Thác Giềng ngày nay).

7. Thôn Đon Hin (Mai Hiên) - gồm bản Đon Hin và bản Khuổi Đam (là thôn Tân Cư ngày nay), bản Khuổi Thuôm (Đơn vị Kho K15 ngày nay).

Thôn Bản Rạo (xã Xuất Hóa ngày nay) lúc bấy giờ thuộc xã Hòa Mục.

a. Khái quát về điều kiện tự nhiên trước năm 1945

Xã Xuất Hóa trước đây có diện tích tự nhiên khoảng 50km². Phần lớn đất đai của xã Xuất Hóa là núi đá vôi, xen giữa có các dãy núi thấp hình thành thung lũng và có suối chảy đổ ra sông. Đất đai, sông núi, ruộng đồng Xuất Hóa có ý nghĩa lịch sử, nhân văn, được gắn với các tên gọi bản địa và những ký ức huyền thoại từ xa xưa lưu truyền lại.

Về phía Đông có các dãy núi *Khau Mỏ*, *Phja Quí*, *Pù Chẻ*, *Phja Léch*, *Phja Khao* với các thung lũng như: *Lũng*

Quang (theo tiếng phổ thông là thung lũng nai), *Lũng Cẩn*, *Mu Phôm* (lợn nằm phục), *Phja Quí* (núi mắt quỷ), *Tham Chôm* (núi ba mỏm), *Phja Léch* (núi sắt), *Phja Ngần* (núi bạc). Phía Tây có dãy *Pích Bên* hoặc *Pét Bên* (hiểu theo 2 nghĩa là cánh bay hoặc vệt bay); Phía cuối dãy *Pét Bên* có *Lũng Duốc* (thung lũng nhiều cây chuối rừng), *Lũng Hon* (lũng xung quanh nhiều hốc đá và có nhiều con hon trú ngụ). Dãy núi giáp ranh giữa xã Xuất Hóa và xã Mỹ Thanh có núi Pù Chẻ (khu vực núi Ba Chôm) còn vết tích của phòng tuyến sông Cầu đánh giặc của cha, ông thời nhà Mạc, tường thành được xếp dựng đứng bằng đá sông, do ông, cha xưa khuân đá từ dưới sông Cầu lên đắp lũy. Về sau dân làng khi làm nương rẫy còn nhặt được guơm, kiếm, chai lọ cổ.

Dòng sông Cầu chảy từ Mỹ Thanh qua xã Xuất Hóa dưới chân các dãy núi về phía Đông thuộc thôn Mai Hiên và thôn Thác Giềng (khoảng 6km) đến xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới, sông có nhiều thác, ghềnh, nhiều vực sâu như *Vằng Loỏng*, *Vằng Trà*, *Vằng Thưa*, *Vằng Cướm*, *Vằng Pùng*, *Vằng Bjóc Deng*, *Tuống Ma Nặng*...; có các thác trên dòng chảy như *Hát Kè*, *Hát Chẩn*, *Hát Giả*, *Hát Đáy*, *Hát Pài Lạn*, *Hát Ná Đính* (dòng chảy trước đền), *Hát Tồn*...

Nơi đây dồi dào nguồn tài nguyên và thủy sản nước ngọt, trước đây có nhiều loại cá như cá măng, cá vống, cá chép, cá xính, cá hồi, cá ngạnh, cá vuốt và có cả ba ba, dái cá, ốc, hến... Thời Pháp thuộc, khi Pháp chưa xây đập

Thác Huống ở Thái Nguyên thì mùa mưa lũ, nhất là cuối mùa hạ đầu mùa thu, có từng đàn cá (*pja paju*) ngược sông Cầu và theo suối lên tận Phai Mạ (Bản Pjät), cửa suối Viên (suối nước ở mỏ đá Khuổi Viên ngày nay) để vật đẻ, trước khi nước rút dân làng đan nứa thành đăng (*mênh mênh*) chắn suối và đơm dó đánh bắt được rất nhiều cá. Ngoài nguồn thủy sản thiết thực cho người dân địa phương, sông Cầu có nguồn nước lớn, là đường giao thông đường sông thuận tiện cho việc vận chuyển gỗ, nứa về xuôi từ trước tới nay, chở gạo, vận chuyển vũ khí phục vụ kháng chiến trong những tháng năm kháng chiến.

Trước năm 1945, đất đai ở Xuất Hóa còn hoang sơ, rậm rạp, dưới các dãy núi có các dải thung lũng đất bằng, thuận lợi cho nhân dân khai phá ruộng, canh tác lúa nước, có cả những bãi đất sinh lầy. Với truyền thống, tập quán sinh sống bằng nông nghiệp, phụ thuộc thiên nhiên; nhân dân Xuất Hóa đã biết khai phá đất bằng, đất bãi ở hai bên các con suối để làm ruộng lúa nước, làm soi bãi trồng ngô. Trên các xứ đồng, có các đám ruộng gắn liền với lịch sử khai phá, canh tác với địa hình tự nhiên lúc bấy giờ như *Nà Pùng* (ruộng thụt lún ở Bản Pjät và Mai Hiên, Lũng Hoàn), *Nà Cốc Khuyết* (ruộng gần cây Khuyết, ở Bản Pjät), *Nà Lóm* (ruộng lún, ở Nà Bản), *Nà Chum* (ruộng trũng, ở Bản Đồn)...

Đồng ruộng, soi bãi của Xuất Hóa chiếm tỷ lệ ít so với diện tích đất tự nhiên, chỉ có những thung lũng, đất

bằng, đất bãi ở hai bên các con suối, dọc bờ sông để làm ruộng lúa nước, làm soi bãi trồng ngô khoảng 100 ha. Trước đây có cánh đồng Cốc Nghịu có diện tích lớn nhất, trên 20 ha, còn lại là những cánh đồng nhỏ nằm ở các thôn như Nà Luông, Tổng Pjạt (Bản Pjạt); Nà Táng, Nà Vá, Nà Tàng (Mai Hiên), Nà Púng ở Lũng Hoàn, Nà Va - Bản Rạo, Khuổi Luông - Tân Cư, Nà Lốm (Nà Bản). Ruộng đồng cơ bản thuận nước tưới tiêu, trên các con suối người dân đã tổ chức đắp phai, đắp mương dẫn nước vào ruộng để canh tác. Trước năm 1945 ruộng đất còn khá màu mỡ, hàng năm người dân chỉ sản xuất canh tác một vụ mùa, thóc lúa làm ra để sử dụng quanh năm, công cụ lao động bằng thủ công, thô sơ, kỹ thuật lạc hậu, nên đời sống khi đó hộ nào có nhiều ruộng thì kinh tế đủ ăn quanh năm, hộ ít ruộng thì thiếu ăn từ 2 đến 3 tháng, cũng có hộ thiếu ăn quanh năm.

Trước năm 1945 người dân có tập quán sống trên nhà sàn 3 gian, 4 mái, có nhà to thì đến 5 gian, trên sàn là người sinh sống, dưới nhà sàn là nơi nhốt các loại gia súc, gia cầm, vì khi đó xung quanh nhà còn rậm rạp, rừng núi còn nguyên sinh, các loại thú dữ như hổ, báo còn đến rình bắt trâu, lợn, do vậy nhốt gia súc ở dưới sàn nhà cũng nhằm bảo vệ vật nuôi, hổ còn đến vồ bắt lợn ở dưới nhà sàn, người đi lên rừng thường phải đi theo nhóm người, mang theo giáo mác, súng kíp để phòng hổ giữ, gấu, lợn lòi... Vào dịp ngày tiết khí sương giáng thường là thời gian hươu, nai, lợn rừng động dục, chúng kéo nhau xuống bãi,

ruộng hoang, những dịp như vậy dân bản hợp sức nhau chặn phía rừng, đốt đuốc, gõ mõ để lừa con thú xuống những đám ruộng thụt, ruộng sinh lầy để bắt... và đã bắt được nhiều thú rừng để cải thiện đời sống.

b. Về kinh tế - xã hội, truyền thống văn hoá

**** Dân số trước Cách mạng tháng Tám 1945***

Theo sách “*Tên làng, tên xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*”, (xuất bản năm 1928), dân số của xã Xuất Hóa có 630 người, các xã lân cận như xã Dương Quang có 689 người, xã Nông Thượng có 322 người, Huyền Tụng có 543 người. Như vậy, xã Xuất Hóa là một xã đông dân thời kỳ đó, có khoảng 100 hộ, là những hộ có nguồn gốc sinh sống ở đây từ lâu đời, ban đầu chỉ có dân tộc Tày, sinh sống trong 7 thôn, gồm: Thôn Phúc Linh Thượng, thôn Phúc Linh Hạ, thôn Mai Hiên, thôn Khuổi Cuồng, thôn Bản Giác, thôn Bản Duộc, thôn Bản Lù. Mỗi làng bản có khoảng 3 đến 10 nhà, như: Bản Lũng Vàn có 4 hộ: (Trần Văn Thơ, Trần Văn Giao, Triệu Văn Khoát, Hoàng Văn Ngọc), bản Mai Hiên ở Khuổi Luông (Tân Cư ngày nay) có 03 hộ (nhà bà Triệu Thị Phương, ông Triệu Văn Nam, Trần văn Tạch), bản Đôn Hin có 05 hộ: (Hộ ông Nguyễn Trọng Bông, Nông Văn Khoa, Nông Văn Lò, Nông Văn Thành, Nông Văn Tiếp, bản Rẻo Pục có 03 hộ Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Văn Vương, Nông Văn Nhất), bản Khuổi Thuôm có hộ Nguyễn Văn Uẩn, Nguyễn Trọng Phấn, Vũ Văn Tương,... Bản Đôn đông dân nhất.

Mật độ dân cư thưa thớt, chưa có đường giao thông thuận tiện, chủ yếu đi đường mòn dân sinh, rậm rạp, phương tiện đi lại duy nhất là đi bộ. Đời sống kinh tế, văn hóa, giáo dục còn thấp kém, phong tục tập quán lạc hậu, cuộc sống chủ yếu dựa vào tự nhiên, tài nguyên rừng và đất ruộng 1 vụ canh tác được trong các thung lũng.

**** Các dòng họ ở Xuất Hóa:***

Theo gia phả của một số họ tộc thì nguồn gốc các họ ở xã Xuất Hóa từ nơi khác đến sinh cơ lập nghiệp.

Dòng họ Nguyễn (có các nhánh Nguyễn Đức, Nguyễn Văn, Nguyễn Đình, Nguyễn Trọng...) sinh sống lâu đời ở Xuất Hóa trên 200 năm. Theo truyền kể lại thì dòng họ Nguyễn ở Xuất Hóa có nguồn gốc ở miền xuôi lên, gốc là dân tộc Kinh. Sau nhiều thế hệ sống tại địa phương đã thuần về phong tục, tập quán, tiếng nói và chuyển lấy dân tộc thổ, sau này gọi là dân tộc Tày.

Dòng họ Nông: Hình thành hai nhánh họ Nông, đó là họ Nông chính thống ở Bản Sứ và nhánh họ Nông chuyển từ họ Dương sang, có nguồn gốc từ phía Bắc đi xuống (trong đó một nhánh có gốc ở vùng Đông Khê - Cao Bằng xuống, phát triển ở lưu vực sông Cầu). Ngoài lao động sản xuất như các dòng tộc khác thì họ Nông có nhiều người biết chữ Nho, một số làm nghề dạy học, bốc thuốc và làm thầy tào, thầy bụt, có các thầy tào như: Tảo Sôi, tảo Mân, tảo Rượng, tảo Ngao, tảo Báng,...

Dòng họ Hoàng: Có hai nhánh là họ Hoàng chính và họ Hoàng được đổi từ họ Mạc ra. Phân biệt giữa 2 họ Hoàng vào việc thờ cúng tổ tiên. Họ Hoàng chính chỉ lập một bàn thờ tổ tiên ở gian giữa ngôi nhà, còn họ Hoàng có gốc là họ Mạc thì có hai bàn thờ. Một bàn thờ như của họ Hoàng chính, còn một bàn thờ thì để ở trên cao (trên gác nhà). Việc đổi từ họ Mạc sang họ Hoàng được lý giải là: Cuối triều đại nhà Lê, chế độ phong kiến đang trên đà suy tàn, quan lại tranh giành quyền binh và lật đổ nhau. Họ Mạc lật đổ nhà vua và lập thành triều đại nhà Mạc. Sau một thời gian cai trị tồn tại thì nhà Mạc lại bị lật đổ và suy tàn, lúc này một số quan lại và binh lính họ Mạc bị quan triều đình mới tiếp đó truy sát gắt gao, nên được họ Hoàng bản xứ cứu mang đã đổi sang họ Hoàng, họ Ma. Để che giấu nguồn gốc họ của mình và để không quên gốc tích họ, thì họ Hoàng đổi từ họ Mạc ra có thêm một bàn thờ tổ tiên trên gác kín đáo ở trong nhà.

Dòng họ Vy đến xã Xuất Hóa sinh sống cách đây khoảng trên dưới 200 năm. Có nguồn gốc từ Chợ Rã và từ Cao Bằng đến làm rể và sinh sống ở đây.

Các họ khác về sau đến Xuất Hóa theo từng mốc thời gian và có điều kiện như một số đồng bào Dao được hạ sơn, về thôn Tân Cư và một số hộ gia đình công nhân viên ngành giao thông ở thôn Đoàn Kết đến Xuất Hóa vào những năm 1960 sinh sống đến ngày nay.

*** Đình làng, đền chùa, miếu mạo**

Xã Xuất Hóa có ngôi đình được xây dựng ở vị trí Trạm Y tế xã ngày nay, là nơi hội họp của nhân dân cả xã (sau Cách mạng, thành lập chính quyền nhân dân, đình làng trở thành Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đến nay được xây dựng Trạm Y tế xã) và có đền Thác Giềng thuộc quần thể chùa chiền, miếu mạo của thị xã Bắc Kạn “*chùa Nông Thượng, đình Nà Coóc, đền Thác Giềng, đình Bản Rạo...*” là nơi thờ phụng các vị danh nhân có công chấn giữ một vùng biên cương của Tổ quốc, đánh giặc giữ nước, an dân lập nghiệp, đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân; công lao của các vị danh nhân anh hùng đã được nhà vua phong sắc khen thưởng danh hiệu “*Dực bảo Trung hưng*”, tức là “*anh hùng địa phương*” và được dân chúng dựng đền, lập đình thờ phụng.

Đền Thác Giềng là một ngôi đền thờ cổ, ngày nay còn lưu được ba đạo sắc phong:

- Một đạo có niên đại ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (tức ngày 24 tháng 9 năm 1910).
- Một đạo có niên hiệu ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 3 (tức ngày 28 tháng 4 năm 1918).
- Một đạo có niên hiệu ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (tức ngày 25 tháng 8 năm 1924).

Căn cứ vào bản dịch và sưu tầm tư liệu của ông Vũ Văn Giảng (Cử nhân Hán học ở xã Tây Ninh, huyện Tiên

Hải, tỉnh Thái Bình) và bản dịch của ông Bùi Xuân Đính (Viện Dân tộc học), dựa vào bản chép trong sách Lịch triều hiến chương loại chí, của Phan Huy Chú (có bản dịch kèm theo) kết luận: Vị nhân thần được thờ ở ngôi đền Thác Giềng - xã Xuất Hóa, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn với ba bản sắc phong còn lưu là Trạng nguyên, Thượng thư bộ lại Trần Gia Bảo.

Bản sắc phong số 1 phiên âm Hán Nôm như sau:

SẮC PHONG SỐ 1

Sắc chỉ Bắc Kạn tỉnh Bạch Thông châu Xuất Hóa xã tòng tiền phụng sự hùng trấn DỤC BẢO TRUNG HUNG kháng sơn hộ quốc tỵ dân tối linh chi thần tiết kinh phân cấp phong chuẩn kỳ phụng sự.

Duy Tân nguyên niên phổ quang đại lễ kinh phân bảo chiếu quân ân lễ long đăng trật trì chuẩn y cựu phụng sự dụng trí quốc khánh nhi thân lễ điển khâm tài.

Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc phong số 1

Sắc chỉ phong cho xã Xuất Hóa, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn cứ như trước đây tôn thờ vị thần tối linh DỤC BẢO TRUNG HUNG đã có công bảo vệ đất nước, an dân, hùng cứ trấn giữ biên cương. Tên của vị thần là Trần Gia Bảo.

Sắc phong chỉ rõ phải phụng thờ đúng như sách Đại lễ Phổ Quang đời vua Duy Tân năm thứ nhất đã phân loại, phải tổ chức lễ cho long trọng và tôn nghiêm như danh mục lễ tiết cấp Nhà nước đã soạn thảo trước đây.

Duy Tân năm thứ 3 (1909) tháng 8 ngày 11 ban sắc.

**** Những danh nhân đỗ đạt và làm quan trong lịch sử:***

Trong xã có một số người học đến lớp nhất thời Pháp thi đỗ làm thầy giáo như: Giáo Thường (Vy Văn Thường - Nà Bản) dạy học ở xã Cao Kỳ, giáo Học (Hoàng Văn Học - Bản Pjật) dạy ở trường Liêm Thủy - huyện Na Rỳ, giáo Lú (Nông Văn Lú - Bản Pjật) dạy ở trường Bộc Bó - huyện Pác Nặm, giáo Vy (Nông Sơn Hà - Lũng Hoàn) dạy học ở Tuyên Quang, giáo Rậu (Hoàng Văn Rậu - Bản Pjật) dạy ở Chợ Rã (Ba Bể), ông Nông Văn Lò - Mai Hiên dạy học ở thôn Duộc (Mỹ Thanh). Ông Nguyễn Trọng Bông (Mai Hiên) làm Biện tổng.

**** Những truyền thống tốt đẹp của làng xã:***

Người dân Xuất Hóa có nét chung về đời sống văn hóa là văn hóa của dân tộc Tày, dựng nhà sàn bốn mái, có bếp được đun ở gian giữa về phía sau. Bốn mùa đều nấu nướng trong nhà, nếp sống sinh hoạt gia đình âm cúng, theo mô hình gia đình nhiều thế hệ, đa số các gia đình có đến 3, 4 thế hệ sống chung. Trách nhiệm gánh vác việc gia đình

được đặt lên vai người con trai cả trong gia đình, anh cả lấy vợ và có trách nhiệm gánh vác mọi công việc gia đình tiếp nối thế hệ bố mẹ, chịu trách nhiệm chăm sóc các em đến khi trưởng thành, xây dựng gia đình, có cuộc sống riêng. Anh em trong gia đình được giáo dục truyền thống đoàn kết, bản chất trung thực thật thà, nếp sống lành mạnh, tôn trọng và phục tùng sự giáo dục của bố mẹ, bề trên; ông bà, cha mẹ là tấm gương nề nếp gia phong cho con, cháu học tập. Do đó, mô hình gia đình nhiều thế hệ rất bền chặt.

Đời sống thu nhập của người dân chủ yếu là làm ruộng, làm rẫy, đào ao thả cá, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Gia súc lớn như trâu thường để phục vụ cày kéo. Các loại gia cầm như lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng thì để phục vụ cuộc sống gia đình,... Mọi hoạt động đều mang tính tự cung, tự cấp. Tập quán của người dân chỉ gieo cấy một vụ lúa mùa trong năm từ tháng 4 đến tháng 10. Ngoài những nông sản tự làm ra thì người dân chủ yếu sống dựa vào rừng tự nhiên, thường vào rừng hái rau rừng, như rau ngót "*phjắc dâi*", rau bồ khai "*phjắc hiến*" và quả *mác mật* (họ quả quất hồng bì), bóc dây mây, kiếm vỏ khoai, vỏ cau (để ăn trâu)... đem đi chợ bán đổi lấy hàng hóa. Ngoài thóc, gạo thì thực phẩm còn có củ mài, củ *pấu* (như củ nâu) làm thức ăn lợn cơm. Trong xóm làng người dân luôn có tinh thần đoàn kết tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi khi có việc như làm nhà mới, ma chay, cưới xin thì anh em họ tộc, làng xóm đều tự nguyện chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau bằng đôi gà,

vò rượu tự nấu (5 lít), vài ống gạo (5kg), giúp nhau ngày công mang tình làng nghĩa xóm, tính cộng đồng rất cao.

*** *Ngành nghề truyền thống***

Người dân ở Xuất Hóa có truyền thống nuôi tằm, trồng bông xe tơ dệt vải. Đặc trưng của trang phục người Tày là áo chàm nên hàng năm các bà, các mẹ trồng chàm để nhuộm sợi, trồng bông, nuôi tằm, xe tơ dệt vải, tự làm trang phục của mình và gia đình, dệt chăn ấm (*phà cộp*), làm trang phục lễ cưới cho con gái đến tuổi trưởng thành... Con gái đến tuổi 15 đã biết theo mẹ ủ chàm, nhuộm sợi, xe tơ, dệt vải, giỏi may vá thêu thùa. Về sau này có vải dệt công nghiệp của nhà nước nên nghề dệt vải truyền thống bằng kỹ thuật thủ công ở địa phương đã mai một không còn được lưu truyền, chỉ còn một số khung cửi kéo sợi để lại ở một số hộ gia đình, làm vật kỷ niệm.

Người dân tự đan lát các vật dụng trong gia đình như: rổ, rá, nong, nia, dầm, sàng, chậu, bồ đựng thóc, đóng tủ, bàn ghế, xẻ cột dựng nhà,... Nhiều người có kỹ năng đan lát rất tinh xảo, điển hình như cụ Nông Văn Phẩm (Mai Hiên). Các thế hệ trẻ về sau vẫn còn biết đan lát nhưng chủ yếu chỉ để phục vụ sinh hoạt gia đình, không trở thành nghề truyền thống đem lại thu nhập.

*** *Về lễ hội truyền thống***

Vào mùa xuân xã Xuất Hóa có nhiều lễ hội, tiêu biểu là lễ hội Cầu mùa, hội Lồng tồng (xuống đồng). Lễ hội

thường được tổ chức tại cánh đồng Cốc Nghịu, thôn Phúc Linh Thượng vào ngày mùng 6 tháng giêng hàng năm. Trong lễ hội Cầu mùa có tổ chức lập đàn, thi cỗ, nhân dân các thôn làm các mâm cỗ đủ các món ẩm thực dân tộc độc đáo, đặc sắc tham dự. Các món bánh ngọt, như: Bánh *khẩu thuy*, *khẩu péc*, *sà lam*, *péng chen*, *péng cao*, *péng hang*... Các món chế biến từ thịt như giò lụa, giò hoa, nem chua, thịt nướng, thịt quay, các món từ gà, cá... món mặn, món ngọt trong ngày hội được bày trí công phu, đẹp mắt và rất hấp dẫn, thể hiện nét tinh túy, độc đáo mang đậm nét truyền thống văn hóa dân tộc.

Ngày hội lồng tồng còn có các trò chơi tung còn, *tát yén* (đánh cầu), đánh quay (*tức sáng*), hát lượn tính, hát then người dân từ các thôn xóm, xã lân cận nô nức đến đón Xuân, trải hội, tung bưng, nhộn nhịp. Hát lượn tính là một loại hình văn nghệ dân tộc độc đáo của người Tày nơi đây, được diễn hai ngày một đêm trong dịp mùa Xuân. Trong ngày hội, một số cụ cao tuổi ngồi kể cho các cháu nhỏ nghe những câu truyện cổ tích (được dịch ra tiếng Tày) với những nội dung về lịch sử, truyền thống, cội nguồn của đất nước, của dân tộc.

Xã mở hội đình làng Xuất Hóa vào cuối tháng giêng, đầu tháng 2, địa điểm tại thôn Phúc Linh Thượng, ở giữa cánh đồng Cốc Nghịu (nay khu vực này đã xây dựng Nhà máy sữa chữa và lắp ráp ô tô Traximexco). Hội Đình làng có cả phần Lễ và phần Hội.

Về phần Lễ: Trước ngày mở hội, các cụ già, các quan viên và thanh niên nam, nữ ở địa phương chuẩn bị trang phục cá nhân mũ, áo chỉnh tề rồi thành đoàn trống dong, cờ mở, chiêng vang khiêng kiệu đến đền Thác Giềng rước các thánh về ngự Đình dự hội (đình ở khu Trạm Y tế xã hiện nay). Hội được tổ chức đông vui, có nhiều trò chơi, nhiều hàng quà, bánh kẹo bán dưới ánh đèn dầu nhộn nhịp đón khách thập phương đến dự hội. Tiếng trống “*cắc - tùng - tùng*”, tiếng chiêng ngân vang, rạo rức lay động lòng người bước vào năm mới tràn đầy khí thế.

Về phần Hội: Ban Tổ chức mời đoàn văn nghệ (thời đó gọi là “*ả đầu*”, “*ả đào*”) đến hát trầu văn, múa bông, với những nội dung múa, hát ca ngợi quê hương, ca ngợi công lao của các anh hùng có công đánh giặc giữ nước được dân làng thờ phụng. Điệu “*múa bông*” là điệu múa vui nhất thường diễn vào đêm cuối gần lúc tan hội. Bên cạnh các điệu múa hát, Hội đình còn có trò “*bán rai*”. “*Rai*” gồm một lãng xôi, một con gà, một chai rượu với giá 1 hào (10 hào bằng một đồng), khách đến chơi xuân mua được “*rai*” vào chúc tết dân làng cùng những lời chúc tụng nghĩa tình ấm áp mùa xuân “*chúc dân làng giàu sang phú quý*”, “*chúc tiên lý bình yên hạnh phúc*”. Tan hội, dân làng lại rước Thánh về đền Thác Giềng thờ phụng.

Các ngày lễ tết của người dân tộc Tày trong năm thường là Tết Nguyên đán, Đắp nọi (ngày 30 tháng Giêng),

tết Thanh minh (03 tháng 3 âm), Đoan ngo (05 tháng 5 âm), rằm tháng 7, ăn mừng lúa mới (ngày 10/10 âm) mọi nhà đều tổ chức cúng lễ tổ tiên trang trọng. Vào tháng Giêng, một số gia đình thường mời thầy then đến làm Lễ Kỳ yên, để giải hạn, cầu phúc, cầu lộc, cầu tài cho gia đình, có anh em họ tộc, bà con chòm xóm đến chúc tụng, chia sẻ rất đầm ấm nghĩa tình.

2. Khái quát tình hình thời Pháp thuộc

a. Về chính trị

*** *Hệ thống chính trị ở thôn***

Cấp thôn có chức “*khán lộ*” (khán viên) quản lý đời sống, sinh hoạt ở thôn. Từ năm 1930 chức này gọi là trưởng thôn. Xuất Hóa có Ông Nguyễn Đức Chinh làm trưởng thôn Phúc Linh Thượng, là trưởng thôn cuối cùng của chế độ cũ ⁽¹⁾.

Thực dân Pháp sau khi đặt được bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nam Bộ, Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ; chúng bắt đầu đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngày 16 tháng 5 năm 1884 Pháp đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên. Năm 1888 đánh chiếm tỉnh Cao Bằng; ngày 13 tháng 02 năm 1888 đánh chiếm huyện Chợ Rã, ngày 17 tháng 02 năm 1888, chúng chiếm huyện Ngân Sơn. Ngày 17 tháng

(1) Tài liệu sưu tầm trong lý lịch Đảng của ông Nguyễn Đức Chinh lưu tại Đảng bộ.

01 năm 1889, chúng đánh chiếm Chợ Mới. Năm 1891, chúng chiếm Yên Lạc, Na Rì. Ngày 23 tháng 01 năm 1892, từ Ngân Sơn chúng đánh chiếm châu Bạch Thông. Năm 1895, chúng lập đồn tại Phủ Thông.

Sau khi đánh chiếm xong các tỉnh miền núi phía Bắc, chúng đặt bộ máy cai trị chặt chẽ từ trên xuống dưới. Đứng đầu châu Bạch Thông là một viên chỉ châu. Ở các tổng có chánh tổng, phó chánh tổng. Ở cấp xã có lý trưởng, phó lý trưởng cai quản dân chúng trong phạm vi toàn xã.

Từ năm 1931, chính quyền thực dân đặt thêm Hội đồng kỳ mục, có từ 3 đến 5 người, gồm lý trưởng, phó lý trưởng và các thư bạ. Đến năm 1940, thực dân Pháp đặt thêm chức tăng thiết để giúp phó chánh tổng trong việc thu thuế. Năm 1941 có thêm chức tổng bộ để phụ trách việc làm đường, sửa chữa đường và trông coi dân phu ở các tổng, các xã. Thực dân Pháp còn đặt bộ máy cai trị riêng theo thành phần dân tộc, như đối với người Dao có quản chiêu, động trưởng, chánh mán (quản chiêu là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu). Ở châu có quản chiêu, ở tổng có chánh mán, ở xã có động trưởng. Ở xã Xuất Hóa cũng được thiết lập đầy đủ bộ máy theo hệ thống đó.

Những người của xã làm việc cho bộ máy chính quyền cũ phải tuân theo sự chỉ đạo của quan trên là thực dân Pháp, phát xít Nhật. Đứng đầu bộ máy cai trị cấp xã là lý trưởng, có chức phó lý giúp việc thu thuế, bắt phu, bắt lính.

Ở xã Xuất Hóa có ông Nông Văn Khoa làm Lý trưởng, ông Nông Văn Mân là Phó lý; thủ bạ Cách (Nguyễn Trọng Cách - Bản Đồn 1) chịu trách nhiệm về khai sinh, giá thú; xã đoàn Giao (Trần Văn Giao - Lũng Hoàn), xã đoàn Nhân (Vy Văn Nhân - Nà Bản), là xã đoàn cuối cùng của chế độ cũ, phụ trách việc quân sự. Làng đồng bào Dao có ông Khán Nhi ở Nặm Dắt, ông Triệu Chí Chấn ở Bản Lù làm chánh quản (quản chiêu) cai quản người Dao châu Bạch Thông.

Giữ các chức danh trong các quản có: Ông Đội Hời (Đình Văn Hời - Nà Bản), ông Lê Văn Tích - Nà Bản là lính khố đỏ; ông cai Vần (Nguyễn Quốc Thành - Mai Hiên) lính khố xanh, ông cai Thành (Nguyễn Văn Thành - Bản Đồn 2), ông đội lệ Cát làm lính vệ, ông Nguyễn Trọng Cập - quân y...

**** Hành động ức hiếp đồng bào***

Nhân dân các dân tộc xã Xuất Hóa nói riêng, châu Bạch Thông nói chung bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột thậm tệ. Chúng cấu kết với nhau chặt chẽ, ra sức cướp bóc, vơ vét, của cải của nhân dân; đặt ra nhiều thứ thuế, đặc biệt là thuế đinh và thuế điền, bắt lính...

Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất rất nặng và được chia thành 3 hạng:

+ Nhất đẳng điền: 7 đồng/mẫu.

+ Nhị đẳng điền: 5 đồng/mẫu.

+ Tam đẳng điền: 4 đồng/mẫu ⁽¹⁾.

Cách phân chia theo đẳng hạng như vậy tạo cơ hội cho sự tham nhũng của bọn quan lại, kỳ hào, chức dịch, chúng tìm cách tăng thuế, bòn rút của cải của nhân dân với nhiều thủ đoạn, mục đích nhằm thực hiện bản cùng hóa nhân dân ta. Thủ đoạn của chúng thường là “gia đẳng”: Là đổi “nhị đẳng” lên “nhất đẳng”, “tam đẳng” thành “nhị đẳng”, hoặc đánh thuế không thu có nghĩa là ruộng ít nhưng phải chịu thuế nhiều. Ngoài ra, dưới thời đế quốc phong kiến xã hội còn có tệ nạn hút thuốc phiện, chơi cờ bạc, ăn chơi...

Thuế đinh còn gọi là thuế thân, là thuế đánh vào tất cả những người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi, được chia thành hai loại:

+ Loại nội tịch (những người có tài sản) mỗi người phải nộp 3,5 đồng trong một năm.

+ Loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc ở nơi khác đến cư trú), mỗi đầu người phải nộp 1,5 đồng trong một năm (tại thời điểm đó 3 đồng trị giá có thể mua được một con trâu cày, bữa khỏe).

Để kiểm soát việc đóng thuế thân, chính quyền thuộc địa đã cấp thẻ thuế thân cho dân đinh sau khi nộp đủ thuế. Nó có giá trị như thẻ căn cước. Thẻ thuế thân có các loại

(1). Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975) - trang 27.

màu khác nhau để phân biệt giữa nội đình, ngoại đình và các đối tượng miễn giảm thuế. Màu của thẻ thuế thân cũng được thay đổi theo từng loại và từng năm. Thẻ phát ra phải có điểm chỉ của người được cấp và dấu của lý trưởng làng sở tại công nhận đã nộp thuế. Dân đình mang theo người và xuất trình khi cần thiết. Nếu họ bị kiểm tra không có thẻ, họ có thể bị bắt giam. Người bị mất thẻ xin cấp lại phải nộp bằng khoản tiền thuế. Việc dùng thẻ đã trở thành một hệ thống kiểm soát chặt chẽ việc thu thuế thân và quản lý nhân lực dưới thời thực dân, phong kiến. Những nhà có nhiều anh em trai không làm ra đủ tiền mua thẻ đình còn phải trốn thuế, trốn không thoát thì bị chúng bắt đi tù. Những người đã có thẻ đình thì hàng năm thường bị bắt đi phu hoặc đi lính, mỗi năm đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10 đến 12 ngày, khi đi phải tự túc lương thực. Đi phu khổ nhục nhất là làm "*phu tải*", tức là phải khiêng vác hàng nặng, công kèn, thậm chí phải khiêng các quan đi tuần tra, giám sát hoặc thay đổi chỗ làm việc, một đợt như vậy phải đi ròng rã mấy chục ngày. Có nhiều người mới đi phu về chưa lại sức, vai đau chưa khỏi hẳn đã lại bị bắt đi phu lần 2, nếu không chịu được, không đi thì chống phu, chống lính.

Bắt lính: Con trai đến tuổi có thẻ đình đều phải đi khám sức khỏe đi lính. Sức khỏe loại 1 trúng tuyển lính "*khó đỏ*", loại 2 trúng tuyển lính "*khó xanh*", loại yếu trúng tuyển lính cơ, không thể trốn tránh được. Xuất Hóa thời đó có nhiều thanh niên khỏe mạnh, trúng tuyển lính

“*khố đỏ*” như ông: Hà Văn Ngân (Bản Đồn 2), Đinh Văn Hới (Nà Bả), Lê Văn Tần, Lê Văn Tích (Nà Bả),... Ông Hà Văn Ngân lính “*khố đỏ*” bị chúng bắt sang bên Pháp để đánh quân Đức, bị quân Đức bắt làm tù binh. Khi Đức trả tù binh cho Pháp lại bị Pháp đưa về Việt Nam để bổ sung quân số của Pháp ở Việt Nam, về tới Việt Nam ông tìm cách trốn về quê và đã trốn thoát. Trong thời gian bị bắt sang Pháp, ông Ngân học được một số tiếng nước ngoài (tiếng Pháp, tiếng Áo, tiếng Đức), sử dụng khá thành thạo, về sau theo cách mạng ông làm công tác binh vận cho cách mạng rất tốt. Ông Đinh Văn Hới (Đội Hới) và ông Nguyễn Trọng Cập (y tá) bỏ hàng ngũ “*khố đỏ*” về quê, về sau có một số năm ông Cập làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Ông cai Vân (Nguyễn Quốc Thành, lính “*khố xanh*”) bỏ làm cai cho Pháp đi theo Cách mạng Việt Minh và trưởng thành, trong quân đội giữ chức Tỉnh đội trưởng tỉnh đội Bắc Kạn (1950 - 1961); Tỉnh đội phó Bắc Thái (1961 - 1966), làm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Lào Cai (từ 1966 - 1973) và nghỉ hưu ⁽¹⁾.

Chúng còn đặt ra một số quy định có tính chất phân biệt đối xử nhằm gây sự hằn thù chia rẽ giữa các dân tộc như: Lý trưởng người Tày bắt người Dao phải đến nhà phục dịch trong các ngày giỗ, tết, ma chay, cưới xin; người

(1). Tài liệu được sưu tầm trong hồ sơ lý lịch đảng viên của đồng chí Nguyễn Quốc Thành lưu tại Đảng bộ.

Dao muốn phát nương thì phải nộp tiền cho lý trưởng, nếu không nộp, tâu lên quan trên thì bị tịch thu. Trong hàng ngũ quan lại ở địa phương có sự phân biệt rõ rệt như: Chức Quản chiêu cai quản người Dao trong toàn châu không có lương, nhưng chức Chi châu được hưởng lương và còn có lính cơ bảo vệ, phục dịch.

Thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp quân sự, người Pháp nắm quyền tối cao về quân sự, trực tiếp chỉ huy lính khố xanh, ngoài ra còn có tòa án, nhà tù, mạng lưới mật thám, cảnh sát. Cấp châu có châu đoàn, tổng có tổng đoàn, phó tổng đoàn, cấp xã có xã đoàn và lính đông (Lính đông là một công cụ của bọn thống trị, dùng để đàn áp phong trào cách mạng, bảo vệ trị an cho chính quyền thực dân - phong kiến ở địa phương).

**** Hậu quả của chính sách cai trị***

Thực dân Pháp đã thi hành một chính sách đầu độc, ngu dân, sưu cao, thuế nặng, bắt phu, bắt lính, không có y tế, người dân ốm đau không được khám chữa bệnh, văn hóa nô dịch lai căng, cùng với tư tưởng lễ giáo, phong kiến rất nặng nề, nhiều hủ tục lạc hậu áp bức người dân lao động, nhất là phụ nữ bị coi rẻ, khinh miệt, con gái không được đi học... dẫn tới 90% người dân trong xã mù chữ, cuộc sống bị bần cùng, khốn khổ. Một số người bị tha hóa đạo đức ăn chơi, cờ bạc, nghiện hút.

b. Về kinh tế

Sản phẩm mỗi năm người dân lao động làm ra không đủ nộp thuế, tới mức phải bán cả trâu, cả ruộng để nộp thuế, nếu không nộp đủ thuế thì bị chính quyền thực dân bắt đi tù....

Thời đó có hai hình thức bán ruộng:

Bán đoản - bán xong không còn chuộc lại được nữa;

Bán cầm - tiếng Tày gọi là *khai tẻm*, giá cả rẻ hơn nhưng người chủ ruộng bán ruộng đi còn có thể chuộc lại được khi có tiền.

Nhiều hộ dân đã “*bán cầm*” ruộng để nộp thuế đình, thuế điền để người thân khỏi bị chính quyền thực dân bắt đi tù... đồng thời hy vọng một thời gian sau làm ra có thể chuộc lại được ruộng.

Ruộng đất của xã Xuất Hóa dưới thời Pháp thuộc có khoảng 100 ha, phân ra nhiều dạng:

Ruộng “nhất đẳng điền”: Là ruộng của đình làng, đình thôn; thời phong kiến, chế độ cũ thuộc diện ưu tiên số 1, để cấp cho các gia đình ông Tư coi đình hương khói, là những khu ruộng “*Ná Đính*” (ruộng trước đình), “*Nà Tổng*” (ruộng giữa đồng)

Ruộng “nhị đẳng điền”: Là ruộng của làng, của bản, dùng cấp cho các hộ có người đi lính.

Ruộng "*tam đẳng điền*": Là những ruộng dọc khe suối, do dân làng bỏ công sức tự khai phá ra.

Những năm 1944 - 1945, ở Xuất Hóa có nhiều gia đình còn nghèo đói, hàng ngày thường đi đào củ mài để ăn độn cơm, hết mùa củ mài thì đào *củ pấu*, chặt cây đào về độn cơm ăn (cây đào có bột như bột củ dong riềng), bữa ăn phần lớn là những củ, lá rau rừng. Cuộc sống vô cùng cơ cực túng thiếu dẫn đến cũng có người bị chết do đói, nhất là cụ già và em nhỏ; những người còn sống sót thì xanh xao, gầy còm vì thiếu ăn.

Xã Xuất Hóa từ trước đến nay không có chợ, ngày xưa người dân thường tham gia hội họp các ngày chợ phiên (5 ngày một phiên chợ) ở thị xã Bắc Kạn. Hàng hóa đến chợ là những nông sản kiếm được từ rừng tự nhiên và một số sản phẩm từ vườn của nhà trồng, nuôi. Theo thời vụ người dân vào rừng hái rau rừng mọc tự nhiên, như rau ngót *phjắc dẫu*, rau bồ khai *phjắc hiến* và quả mắc mật (họ quả quất hồng bì), bóc dây mây, kiếm vỏ khoai, vỏ cau để ăn trầu, quả bồ kết... đem đi chợ bán đổi lấy hàng hóa phẩm (dầu hỏa để thắp sáng và muối ăn, dao, diêm, chảo gang, nồi, nón lá, kiềng, vải vóc, quần áo...). Đi chợ cũng là một thói quen, một phần trong đời sống văn hóa của người dân Xuất Hóa và Bắc Kạn trước đây, là dịp một số người thường ngoạn những món đặc sản, thăm thú bạn bè, người thân, xem phim, dự mít tinh, trai gái hẹn hò...

c. Về văn hóa - xã hội

Dưới thời Pháp thuộc, tỷ lệ người mù chữ ở Xuất Hóa khoảng trên 90%, con em nhân dân Xuất Hóa chỉ có một vài người gia đình khá giả mới đi tỉnh học, chỉ có khoảng 3 - 4 người có bằng “*Sơ học yếu lược*”.

Con em ở 3 xã Xuất Hóa, Hòa Mục, Nông Thượng chung nhau học ở trường tiểu học Xuất Hóa. Trường này có đến lớp 3 (lớp năm, lớp tư, lớp ba), có một thầy giáo dạy cả 3 lớp. Học xong đến lớp ba, nếu thi đỗ thì lên lớp nhì năm nhất. Học lớp nhất phải lên Bắc Kạn, trường cấp tỉnh có đến lớp nhất. Ở trường tỉnh Bắc Kạn lúc đó có lớp năm, lớp tư, lớp ba, lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai và lớp nhất. Thi đỗ bằng “*xec-ti-vi-ca*” học lên trung học. Cấp trung học có lớp đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ; lúc đó ai đỗ muốn học tiếp phải đi tận tỉnh Lạng Sơn. Thầy Lê Văn Thìn, ở nơi khác về Xuất Hóa dạy học, là thầy giáo cuối cùng của chế độ cũ dạy ở Xuất Hóa.

Ở xã Xuất Hóa không có nhân viên y tế, kể cả y tá hoặc nữ hộ sinh. Cả châu Bạch Thông chỉ có một y tá, một nữ hộ sinh và một thư ký để phục vụ cho bộ máy thống trị của thực dân Pháp. Nhân dân ốm đau không có thầy thuốc, bệnh viện để khám, chữa bệnh; chủ yếu đến gặp thầy bói để bói toán; mời thầy cúng về cúng, bốc thuốc nam, chữa mẹo; các thầy lang bốc thuốc nam cũng rất ít, một số người biết thuốc nam thì tự kiếm thuốc nam về chữa, có bệnh gặp

thuốc cũng khỏi nhưng có bệnh cũng không khỏi được và ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến nên đa số nhận thức và tâm lý của người dân khi mắc bệnh thì cho là trúng gió, ma ám, bị bắt vía... Trẻ em ốm thì cho là “*mẻ bjoóc*” (bà mụ), “*ău khoăn*”, “*khoăn ni*” (mất vía), người già, người lớn ốm thì phải “*ău khoăn*” (gọi hồn) hoặc “*tâu số*” (nói số cho người) cầu để sống lâu. Gia đình có người ốm phải chuẩn bị lễ để cúng bái, nếu ốm nhẹ thì làm lễ bằng một vài con gà, còn ốm nặng thì phải làm thịt lợn. Do đó cũng nảy sinh việc các thầy cúng lợi dụng bói toán để vơ vét tiền, của, người bệnh thì chờ đợi sự may rủi và hao tốn của cải nhưng một số bệnh không chữa được khỏi.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến ở địa phương cũng có tệ cờ bạc, nghiện thuốc phiện (thuốc phiện tự trồng và chế để hút), hủ tục ma chay rườm rà. Theo phong tục của người Tày khi có đám ma người chết được để trong nhà 5 đến 7 ngày, con cái, họ tộc đến phục dịch cúng lễ, thịt lợn, thịt gà làm cỗ cúng linh đình và đến lễ cho thầy tào thủ lợn, chân giò (cả 1 đuôi thịt lợn), gà, gạo... bằng cả con lợn khoảng 60kg. Việc cưới xin cũng thách cưới lớn: Nhà trai muốn lấy được vợ phải chuẩn bị đồ lễ đủ tổ chức đám cưới cho cả 2 nhà, thường nhà gái thách lễ nhà trai khoảng 100kg thịt lợn, 40kg gạo nếp, tẻ, 40 lít rượu, bạc trắng...

3. Các phong trào cách mạng điển hình

Trước khi Cách mạng Việt Minh đến ở trên địa bàn xã có lính bảo an của Nhật đến đóng ở Bản Đồn (Xuất Hóa)

chúng tập trung đa số hộ dân trong xã vào khu Bản Đồn lập hàng rào xung quanh để quản lý kiểm soát các lực lượng cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã mở ra đường lối lãnh đạo đúng đắn, tạo sự thống nhất về tư tưởng chính trị và hành động của phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh Bắc Kạn cũng như ở xã Xuất Hóa.

Từ những năm 1936 - 1939, cao trào vận động dân chủ phát triển mạnh, tinh thần đấu tranh chống áp bức bóc lột của thực dân Pháp lan rộng, tại xã Xuất Hóa và châu Bạch Thông khi đó chưa xây dựng cơ sở cách mạng, nhưng ảnh hưởng của cao trào dân chủ đã lan tới thị xã Bắc Kạn, Dương Quang, Nông Thượng, Xuất Hóa... lôi cuốn hàng triệu người tham gia, diễn ra phong trào chống thuế tại châu Bạch Thông, có đông đảo đồng bào các dân tộc nơi đây nhất tề tham gia phong trào đấu tranh chống thuế lan truyền đến địa phương. Xã Xuất Hóa điển hình có vụ kiện của cụ Nguyễn Trọng Bông ở Mai Hiên, thương dân nghèo phải chịu sưu cao, thuế nặng, đã đứng ra tổ chức đi đưa đơn kiện bọn quan lại địa phương lên tận Phủ toàn quyền ở Hà Nội, dân được giảm thuế qua kỳ kiện ấy ⁽¹⁾.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tiến công nước

(1). Theo Lịch sử Bắc Kạn tập I, giai đoạn 1930 - 1945.

Pháp, Chính phủ phản động Pháp đầu hàng, làm tay sai cho Đức (tháng 6 - 1940). Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật tiến sát biên giới Việt - Trung. Thực dân Pháp ở Đông Dương lo sợ cả ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương, lẫn sự đe dọa nhảy vào Đông Dương của phát xít Nhật.

Để đối phó, một mặt thực dân Pháp thực hiện chính sách thời chiến, ra sức phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Hàng vạn vụ khám xét, bắt bớ diễn ra khắp nơi, lệnh "*tổng động viên*" được ban bố cùng với chính sách "*kinh tế chỉ huy*" được thi hành, nhằm tăng cường vơ vét sức người và sức của ở thuộc địa để cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc. Chính sách phản động trên của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt bần cùng. Mặt khác, thực dân Pháp thi hành chính sách thoả hiệp, tiếp tay cho Nhật mở rộng chiến tranh đế quốc xâm lược.

Ở xã Xuất Hóa, người dân cũng chịu sự áp bức của thực dân Pháp dưới các chính sách như chính sách thuế, giáo dục, y tế, văn hóa theo mục đích của Pháp đặt ra.

Ngày 22/9/1940, Nhật cho quân tiến công Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ vào Đồ Sơn. Pháp nhanh chóng đầu hàng Nhật ở Lạng Sơn. Sau đó Nhật lần dần Pháp, buộc Pháp ký hết hiệp định này đến hiệp định khác, nhằm biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh

của chúng. Cùng với việc buộc Pháp nhượng bộ, Nhật ra sức lôi kéo một số phần tử cơ hội trong bộ phận địa chủ và tư sản phản động người Việt Nam làm tay sai phục vụ cho chúng. Bọn này núp dưới hình thức đảng phái chính trị (Đại Việt, Phục Quốc...), hình thức tôn giáo để hoạt động tuyên truyền về văn minh và sức mạnh của Nhật.

Như vậy, mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lược Đông Dương... thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật.

Tại châu Bạch Thông, thực dân Pháp tăng mức thuế. Thuế đinh tăng từ 2,5 đồng lên 3,7 đồng rồi lên 5 đồng một người. Thuế điền trước đây chia ba hạng, lúc này chúng gộp lại thành một hạng và tăng 50%. Thuế “*câu bai*” (thuế đánh vào nương rẫy vùng cao) tăng từ 0,15 đồng lên 0,3 đồng; so với trước được tăng gấp đôi, thuế môn bài tăng lên 4 lần, cưỡng bức người dân sản xuất bán lương thực, thực phẩm với giá rẻ mạt.

Tháng 02 năm 1941, Bác Hồ về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam, đây là sự kiện lớn của lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước và dân tộc Việt Nam, đã làm thay đổi tình hình cách mạng trong nước. Trên cơ sở thực hiện thí điểm việc xây dựng các tổ chức cứu quốc tại tỉnh Cao Bằng, tháng 5 năm 1941, Bác Hồ triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 chuẩn bị mọi mặt cho khởi

nghĩa vũ trang. Tiến hành xây dựng con đường cách mạng Nam Tiến từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn và Thái Nguyên để mở đường về xuôi, nhiệm vụ đặt ra được tiến hành gấp rút khẩn trương. Đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách xây dựng đường dây bí mật Nam tiến này.

Mùa thu năm 1943, các đội quân Nam Tiến vượt qua Khau Giang đến nhiều địa phương thuộc địa phận châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Đến Bắc Kạn, lực lượng Nam tiến hình thành 2 hướng:

Hướng thứ nhất phát triển cơ sở cách mạng với các dân tộc đồng bào Dao đỏ, Dao tiền vùng núi cao; từ Ngân Sơn xuống Chợ Rã, Chợ Đồn.

Hướng thứ 2, xây dựng cơ sở cách mạng vùng núi thấp, đồng bào Tày, Nùng. Từ Ngân Sơn phát triển lực lượng đến Vi Hương, Quân Bình, Hà Vị thuộc châu Bạch Thông... Thời gian này, huyện Ngân Sơn đã có ban Việt Minh hoạt động hầu hết ở các xã.

Ngày 22 tháng 9 năm 1943 chi bộ Chí Kiên được thành lập. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, đánh dấu bước ngoặt lịch sử phong trào cách mạng tỉnh Bắc Kạn, từ đây phong trào cách mạng tỉnh Bắc Kạn có Đảng trực tiếp lãnh đạo.

Ngày 09 tháng 3 năm 1945, Nhật bất ngờ đảo chính Pháp. Bằng một hành động thống nhất trên toàn Đông

Dương, trong đêm 09/3/1945, quân Nhật đồng loạt nổ súng và nhanh chóng đè bẹp sự kháng cự của đối phương. Với sự kiện này, lực lượng quân sự Pháp hoàn toàn tan rã, bộ máy thống trị của thực dân Pháp đầu hàng, bị cầm tù hoặc đang tâm làm tay sai cho phát xít Nhật. Trên thực tế, toàn bộ Đông Dương đã trở thành thuộc địa của phát xít Nhật.

Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, tối ngày 9/3/1945, Ban Thường vụ mở rộng của Trung ương Đảng được triệu tập khẩn cấp họp tại Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) dưới sự chủ tọa của Tổng bí thư Trường Chinh. Hội nghị đã ban hành Chỉ thị *“Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, lãnh đạo toàn dân gấp rút chuẩn bị sẵn sàng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Khi Chỉ thị của Trung ương Đảng đề ra, khắp nơi trong cả nước và trên tỉnh Bắc Kạn dấy lên phong trào đấu tranh kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, quyết liệt xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 09 tháng 3 năm 1945, quân Nhật đánh quân Pháp ở Lạng Sơn, lúc này tại châu Bạch Thông chưa có tên lính Nhật nào xuất hiện, nhưng sau khi nhận được tin cuộc đảo chính thì bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở Bắc Kạn lập tức bị tê liệt. Lính Pháp bỏ chạy khỏi thị xã Bắc Kạn, bọn quan chức dân sự cũng rất hoang mang, lo sợ, một phần bỏ trốn, một phần chờ Nhật đến để tiếp tục làm tay sai cho chủ mới.

Ngày 25 tháng 3 năm 1945, một cánh quân Nhật gồm 500 tên từ Cao Bằng theo quốc lộ số 3 tiến xuống Bạch Thông, chiếm phía Đông thị xã Bắc Kạn. Bọn Nhật dựng ông Đinh Văn Trân lên làm tỉnh trưởng, đưa ông Nông Ích Văn lên làm phó tỉnh trưởng. Quân Nhật thống nhất hai lực lượng là lính khố xanh và lính cơ thành bảo an binh. Chỉ huy lực lượng bảo an binh có ông Đội Ngọc, Bếp Ích.

Sau khi ổn định chính quyền, bọn Nhật tổ chức mít tinh hòng trấn an tinh thần dân chúng và dụ dỗ dân ta theo Nhật. Khẩu hiệu của Nhật là *"Nhật người châu Á. Việt Nam cũng là châu Á - da vàng"*, *"Nhật giúp Việt Nam xây dựng đất nước thịnh vượng"*, *"Việt Nam giúp ngăn chặn Việt Minh - cộng sản"*. Quân Nhật chiếm đóng, đô hộ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cuộc sống người dân Bắc Kạn nói chung và xã Xuất Hóa chịu sự kìm kẹp, áp bức bóc lột nặng nề của chủ nghĩa thực dân, phát xít Nhật.

4. Phong trào Cách mạng Việt Minh

Nhân dân xã Xuất Hóa và cả châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn bị thực dân Pháp và quan lại phong kiến áp bức, bóc lột thậm tệ, đời sống cơ cực, nghèo túng.

Tháng 3 năm 1943, khi cách mạng Việt Minh đến tuyên truyền, vận động nhân dân ta không hợp tác với Nhật, theo cách mạng Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập tự do thì mọi người dân lao động nghèo trong xã đều khát khao độc lập đã tích cực hưởng ứng. Theo

Cách mạng xã Xuất Hóa được đặt tên là xã Quý Quân và lập ra Ban Việt Minh bí mật tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội của xã. Ông Nông Văn Lò (Mai Hiên) là người đầu tiên theo và làm việc cho Cách mạng, được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng lâm thời xã Quý Quân, trong ban còn có các ông: Vy Văn Thường, Nguyễn Văn Ngô... Cán bộ Việt Minh đến tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng ở xã là ông Hoàng Văn Hằng.

Bọn Nhật dụ dỗ kỳ hào các xã lân cận như: Quý Quân, Nông Thượng, Dương Quang, Huyền Tụng... theo chúng, nhưng số đông Kỳ hào các xã đã được tổ chức Việt Minh tuyên truyền giác ngộ nên bên ngoài tỏ vẻ ủng hộ để chống bọn chúng khủng bố còn bên trong thì viện cớ không thu được thuế, dân chết đói không có thóc... khát lán, khát lưa không đi theo.

Những người của xã làm việc cho bộ máy chính quyền cũ, khi Việt Minh đến tuyên truyền vận động thì họ giác ngộ chính trị, nhìn nhận thế thời và biết căm ghét chế độ cũ, sẵn lòng theo cách mạng. Sau này những người đó đã thực sự trưởng thành trong các cơ quan Nhà nước của ta, tiêu biểu như: Ông Nguyễn Đức Chính (trưởng thôn cũ) làm Trưởng Ty Tài chính tỉnh Bắc Kạn, Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn; ông Nguyễn Quốc Thành (cai Ván, lính khổ xanh - Mai Hiên) giữ chức vụ Tỉnh đội trưởng tỉnh Bắc Kạn (1950-1961), Tỉnh đội phó tỉnh đội Bắc Thái (1961-1966),

Tỉnh đội trưởng tỉnh Lào Cai (từ 1966 - 1973) và về nghỉ hưu; ông Vy Văn Cát (đội lệt Cát - Nà Bản) sau cách mạng làm Chủ tịch lâm thời xã Xuất Hóa, Trưởng phòng Thông tin huyện Bạch Thông; ông Hoàng Văn Học (Bản Pjật) Phó Ty Bưu điện Bắc Thái; ông Nông Sơn Hà (Lũng Hoàn) là giáo viên thời Tây, Phó Giám đốc Ty Lâm nghiệp Bắc Thái, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông; ông Trần Văn Ngô (cảnh sát *cu-lít* chế độ cũ) cán bộ công an tỉnh Bắc Kạn, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Xuất Hóa v.v...

Đến tháng 7 năm 1945 chính quyền cách mạng (Ban Việt Minh) xã Quý Quân và các xã ở châu Bạch Thông đều được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Ban Việt Minh, phong trào cách mạng hoạt động rộng khắp, khí thế rầm rộ trên tất cả các xã địa bàn thị xã Bắc Kạn. Từ thôn trưởng đến lý trưởng đều tham gia ủng hộ lương thực, thực phẩm cho Việt Minh, ủng hộ chính quyền cách mạng. Địa bàn xã Quý Quân trở thành nơi nghỉ chân của nhiều đoàn cán bộ cách mạng đi công tác, trước khi sang Na Rỳ, Thanh Vân, Thanh Mai về Tân Trào, Tuyên Quang, tới An toàn khu ở Định Hóa. Đặc biệt, có một lần đồng chí Trường Chinh cán bộ Nam Tiến thời kỳ hoạt động bí mật, khi hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã bị địch đuổi bắt, đồng chí trú vào trong hầm và được du kích Bắc Kạn giải vây đưa về thôn Bản Rạo, xã Quý Quân trú chân tại lán sơ tán thóc của người dân (Bản Rạo) ở chân đồi, cạnh gốc đa và tiếp tục

làm việc tại đây (hiện nay gốc đa này vẫn còn). Trong dịp này đồng chí đã dự thảo bản Chỉ thị quan trọng xác định thời cơ tổng khởi nghĩa giao cho đồng chí Hồng Kỳ về báo cáo xin ý kiến với Bác Hồ. Gia đình ông Lèng Văn Lung (Bản Rạo) được giao nhiệm vụ nuôi cơm cho cán bộ trong thời gian đồng chí Trường Chinh ở đó ⁽¹⁾.

Về sau Đồng chí Trường Chinh (1907 - 1988) trở thành một nhà cách mạng và chính trị gia của Việt Nam. Ông đã giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị của Việt Nam như Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam. Ông còn là một nhà thơ với bút danh Sóng Hồng. Tháng 3 năm 1945, ông triệu tập và chủ trì Hội nghị Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị nổi tiếng "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", xác định thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong giai đoạn chuẩn bị Cách mạng tháng Tám 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng do ông chủ trì, ông được cử phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Tại xã Quý Quân, đoàn cán bộ Việt Minh có đồng chí Hán, đồng chí Hưu, đồng chí Quý đến xã Quý Quân phối hợp với Ban Việt Minh xã tổ chức mít tinh tại cánh đồng Cốc Nhị, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tham

(1). Lịch sử Bắc Kạn tập I, giai đoạn 1930 - 1945 có một số thông tin về sự kiện này.

gia và tuyên truyền vận động nhân dân ủng hộ cách mạng, không hợp tác với Nhật, vận động nhân dân thực hiện chiến lược “*vườn không, nhà trống*”; bỏ làng vào rừng làm lán, sơ tán người, của cải, đồ dùng vào hết trong rừng, khi quân Nhật đến làng càn quét thì nhà không có người, không có của cải để vơ vét. Tuyên truyền nhân dân tập hợp những thanh niên, người trung niên thành lập đội tự vệ, tổ chức tập quân sự ở thôn Duộc (Mỹ Thanh) để sẵn sàng tham gia tổng khởi nghĩa, phong trào cách mạng ở Quý Quân cùng châu Bạch thông được đẩy mạnh.

Tháng 7 năm 1945, Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời xã Quý Quân được thành lập. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời là ông Triệu Văn Ma (Nông Thượng). Đồng chí Hoàng Mỹ Đức cán bộ cấp trên (cán bộ Việt Minh) trực tiếp chỉ đạo và theo dõi hoạt động của xã Quý Quân. Đồng chí tổ chức chỉ đạo họp các tổ chức đoàn thể thanh niên, phụ nữ cứu quốc, giao nhiệm vụ phối hợp với chính quyền quản lý xã hội và bảo vệ thành quả cách mạng.

Chính quyền cách mạng non trẻ ra đời, có uy thế rất lớn, thể hiện tính dân chủ, tính kỷ luật nghiêm minh, công tác trật tự trị an rất tốt, thu hút và tập hợp được đông đảo lực lượng quần chúng nhân dân tham gia. Sau khi thành lập, dưới sự lãnh đạo của chính quyền cấp huyện, Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời xã triệu tập dân chủ mít

tin ở cuối cánh đồng Nà Lôm. Tại buổi mít tin cán bộ chính quyền cách mạng cấp trên tuyên truyền quán triệt đến nhân dân về chủ trương của Đảng, nhiệm vụ của cách mạng, về tình hình thế giới và trong nước, vận động nhân dân đoàn kết tương thân, tương ái, giữ gìn trật tự trị an bảo vệ chính quyền, bảo vệ cách mạng, vận động nhân dân đi học để xóa nạn mù chữ, đồng thời công khai xét xử nghiêm minh một số người chống đối lại cách mạng, áp bức bóc lột nhân dân, làm tay sai cho giặc, làm chỉ điểm cho bảo an để lùng sục bắt cán bộ cách mạng. Qua việc xét xử đã quyết định: Xử tử hình một tên lý trưởng (người ở xã xã Quý Quân) tại bãi Cáp Kính (tháng 5/1945), giáp ranh thôn Bản Đồn 1 và thôn Mai Hiên; xử tử hình một tên lính bảo an (người ở xã Quý Quân) tại cuối cánh đồng Nà Lôm (tháng 8/1945); Cách mạng còn trưng cầu ý kiến nhân dân xem xét tội trạng của một số tên Phó lý, nhưng qua xem xét tội trạng chưa đến mức độ tử hình (sau này có 01 phó lý đem đi cải tạo ở Chợ Đồn 6 tháng).

Ngày 14/8/1945, Hội đồng chiến tranh tối cao và nội các Nhật thông qua chiến dịch đầu hàng không điều kiện. Ngày 15/8/1945, Đài phát thanh Nhật truyền đi sắc lệnh của Nhật Hoàng về việc chấp nhận các điều kiện đầu hàng Đồng minh. Lễ ký Hiệp ước đầu hàng không điều kiện được tiến hành trên chiến hạm Mitsuri của Mỹ đậu ở ngoài khơi vịnh Tôkyô.

Ngày 16/8/1945, Mặt trận Việt Minh triệu tập Đại hội Quốc dân ở Tân Trào. Đại hội quyết định: Tán thành lệnh tổng khởi nghĩa của Đảng, Quân lệnh số 1 quyết định *"Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một cho quân, dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà... chúng ta phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!... Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta"*. Thành lập ủy ban dân tộc giải phóng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu; Quy định Quốc Kỳ, Quốc ca. Đặt tên nước là Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Chiều 16/8/1945, một đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên mở đầu cho cách mạng Tháng Tám.

Sáng 19 tháng 8 năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Tại Bắc Kạn quân ta tiến vào thị xã Bắc Kạn chiếm giữ các công sở, giải tán trại bảo an binh và tuyên bố xóa bỏ chính quyền cấp tỉnh của địch. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, quân địch rút khỏi Bắc Kạn (kể từ khi có bản quân lệnh số 1 của Đảng, trong vòng 10 ngày Nhật đã rút khỏi Bắc Kạn). Châu Bạch Thông hoàn toàn được giải phóng.

Cùng ngày Bắc Kạn được giải phóng, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Bắc Kạn triệu tập hội nghị mở rộng, Hội nghị có hơn 30 đại biểu tham dự, có các đại biểu tỉnh bộ Việt Minh, chỉ huy quân giải phóng và đại diện các châu

trong tỉnh về dự hội nghị. Tại Hội nghị này quyết định thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời châu Bạch Thông, gồm 7 người và Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời là ông Hoàng Khải Tung.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, tỉnh Bắc Kạn tổ chức mít tinh chào mừng Cách mạng tháng Tám thành công. Các tầng lớp nhân dân già, trẻ, gái trai nô nức đi dự mít tinh. Từ sáng sớm trên các ngã đường, từ các huyện trong tỉnh, như: Chợ Mới, Chợ Đồn; Ngân Sơn, Phủ Thông nhân dân tập nập về tỉnh dự hội, buổi mít tinh đông nghịt mấy nghìn người. Trước toàn dân, đồng bào, đồng chí Hồng Kỳ đại diện chính quyền cách mạng đồng dục tuyên bố:

“Bác bỏ chính quyền Pháp - Nhật”.

“Nay thành lập chính quyền cách mạng nhân dân”.

Sáng 02 tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội Chính phủ tổ chức lễ mít tinh tập hợp đông đảo các lực lượng tham gia, trước toàn thể quốc dân, đồng bào Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhân dân các dân tộc trong cả nước trong đó có địa phương Quý Quân nô nức đón chào và vô cùng phấn khởi tự hào trước thành quả tự do, độc lập của cả nước và những thắng lợi vẻ vang của chính quyền cách mạng non trẻ, của Đảng Cộng sản Việt Nam mới tròn 15 tuổi.

Tin Nhật đầu hàng thất trận được loan báo khắp mọi nơi. Quân Nhật và bọn tay sai ở Bắc Kạn hoang mang dao động. Bọn bảo an đóng ở Bản Đồn (Quý Quân) vội rút chạy về Bắc Kạn trong lúc Bắc Kạn cũng đang trong cảnh hỗn quân, hỗn quan.

Tháng 11 năm 1945 Chính phủ có quyết định sáp nhập 02 xã Quý Quân và Nông Thượng, thành lập xã Phong Lưu đổi tên xã Quý Quân thành xã Phong Lưu.